

Bản án số 51/2020/KDTM-ST
Ngày: 29/6/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Triệu Thúy Hà
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Ngô Thị Yêm
Bà Nguyễn Thị Giang
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Lê Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-KDTM ngày 29/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam.

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Hạnh V - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch V T - Ngân hàng TMCP C Việt Nam Chi nhánh Đông A.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 05, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị H2, sinh năm 1977.
- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997.
- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 2000.
- Cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh tháng 7/2002(cháu Lan A do ông H1, bà H2 đại diện);

Đều cùng địa chỉ: Khu 05, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

(Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/07/2019 và các văn bản tại Tòa án, **người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

Ông Nguyễn Văn H1 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 0118005711 đăng ký lần đầu ngày 27/04/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14/04/2015. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1; Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán, sản xuất đồ gỗ nội thất,....

Ông Nguyễn Văn H1 có kí kết với Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Đông A (VietinBank Đông A) Hợp đồng tín dụng số: 016/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 12/02/2018. Hạn mức cho vay: 1.000.000.000 đồng.

Quá trình vay vốn, khi nợ đến hạn, Ông Nguyễn Văn H1 không trả được nợ theo đúng kỳ hạn đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, trong quá trình đôn đốc thu hồi nợ. Đến nay, tổng số nợ gốc của Ông Nguyễn Văn H1 là: 1.000.000.000 đồng, được thể hiện tại 02 giấy nhận nợ: Giấy nhận nợ ngày 15/8/2018, và Giấy nhận nợ ngày 20/8/2018. Số tiền vay trong hai giấy nhận nợ là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/lãi trong hạn/dư nợ gốc chưa trả.

Các khoản nợ của Ông Nguyễn Văn H1 đều đã quá hạn từ ngày 16/10/2018, trong quá trình đôn đốc thu hồi nợ, VietinBank Đông A đã nhiều lần làm việc Ông Nguyễn Văn H1, yêu cầu Ông Nguyễn Văn H1 trả nợ vay, nhưng đến nay Ông Nguyễn Văn H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng.

Tổng dư nợ của Hợp đồng tín dụng trên tính đến hết ngày 29/6/2020 là: **1.200.711.292** đồng; Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 135.838.496 đồng; Nợ lãi quá hạn 64.872.976 đồng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Văn H1 đã ký Hợp đồng thế chấp số: 296/TC/2015 ngày 14/04/2015: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn H1; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa: BM181703; vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 4724.QĐUBND.2012/CH.00163.2012 do UBND huyện Đông A cấp ngày 25/12/2012; trên thửa đất số 144(1), tờ bản đồ số 45 tại Khu 5 thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đông A, TP Hà Nội; diện tích: 99,5m²; giá trị tài sản: 1.775.000.000 đồng, số tiền cho vay tối đa: 1.000.000.000 đồng. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/04/2015.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông A - thành phố Hà Nội giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 trả toàn bộ số tiền còn nợ tại Ngân hàng TMCP C Việt Nam tính đến thời điểm xét xử.
2. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn H1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) theo Hợp đồng tín dụng số 016/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 12/02/2018) cho đến khi trả hết nợ tại Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

2. Kể từ ngày bản án/ Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP C Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Toàn bộ tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn H1 đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn H1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 có đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản lấy lời khai, ông H1, bà H2, chị V trình bày: Năm 2018, do có nhu cầu cần vốn làm ăn nên ông H1 có vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam. Nội dung cơ bản: Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng theo 02 Giấy nhận nợ ngày 15/8/2018 và ngày 20/8/2018. Thời hạn vay của mỗi Giấy nhận nợ là 06 tháng. Lãi suất được quy định trong Giấy nhận nợ và các văn bản ký kết giữa hai bên. Ông H1 đã nhận đủ số tiền giải ngân là 1.000.000.000 đồng của Ngân hàng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, do việc làm ăn gặp khó khăn, thua lỗ nên ông H1 chưa trả được toàn bộ số nợ gốc 1.000.000.000 đồng và lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện, ông H1, bà H2 có quan điểm: Ông H1, bà H2 xác có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, ông H1 còn mắc bệnh hiểm nghèo không còn khả năng lao động. Ông H1, bà H2 đề nghị Ngân hàng cho ông bà được trả nợ dần và xin miễn tiền lãi. Việc trả nợ dần cụ thể như thế nào, ông bà sẽ thương lượng với Ngân hàng.

Trường hợp ông H1, bà H2 không trả được nợ mà Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 144, tờ bản đồ 45, Khu 5, Thụy L, Thụy L, Đông A, Hà Nội, đứng tên Nguyễn Văn H1.

Ông H1, bà H2, chị V khẳng định các con ông H1, bà H2 không có công sức đóng góp gì trong việc tạo dựng khối tài sản trên.

Hiện tại có ông H1, bà H2 và hai con ông bà là chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Lan A (sinh tháng 7/2002) đang ở.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng nhưng không lấy được lời khai của anh H.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/3/2020 thể hiện: Trên thửa đất thế chấp có các tài sản gắn với đất là các công trình xây dựng gồm: Nhà ở, sân, cổng, tường bao mái tôn được xây dựng năm 2008. Toàn bộ công trình nằm trên diện tích đất thực đo là 112,6 m². Các đương sự đều không có ý kiến gì về nội dung thẩm định nêu trên.

Tại phiên Tòa:

*Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền nợ gốc và lãi như trên. Trường hợp, ông Nguyễn Văn H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP C Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn giải thích về hợp đồng vay hạn mức là hợp đồng cho vay thành nhiều lần, nghĩa vụ còn lại được ký kết dưới hình thức Giấy nhận nợ, các giấy nhận nợ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cho vay hạn mức.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa :**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định theo luật tố tụng.

Về tuân thủ pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt tại Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, khiến thời hạn chuẩn bị xét xử bị kéo dài.

Về nội dung: Đề Nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt nam khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng mục đích sử dụng tiền mua bán, kinh doanh đồ gỗ nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn cư trú tại địa bàn Khu 5, Thụy L, xã Thụy Lâm, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân huyện Đông A, thành phố Hà Nội thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục tố tụng đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt: Quá trình tố tụng, bị đơn ông H1, bà H2, chị V chấp hành pháp luật tố tụng hạn chế (có khai nhưng không chấp hành theo triệu tập của Tòa án), anh H không chấp hành pháp luật, không có lời khai, không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập: Tại phiên tòa, Ông H1, bà H2, chị V, anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

- Ngân hàng TMCP C Việt Nam, người khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền lợi là nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Văn H1 người bị nguyên đơn khởi kiện là bị đơn

- Bà Ngô Thị H2, vợ ông H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do việc vay vốn của ông H1 là để phục vụ việc kinh doanh của gia đình, bà H2 cũng đồng thời là người ký Hợp đồng thế chấp, bà H2 hiện sống trên nhà đất thế chấp. Do vậy, khi giải quyết vụ án, quyền và nghĩa vụ của bà H2 có liên quan. Bà H2 tham gia tố tụng về phía bị đơn ông H1, do vậy quyền và nghĩa vụ của bà H2 có quyền và nghĩa vụ tố tụng giống quyền và nghĩa vụ của ông H1.

- Chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H, cháu Nguyễn Thị Lan A (sinh tháng 7/2002) đang ở trên đất thế chấp - Là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của họ.

[2] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

- Chủ thể hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 016/2018-HĐCVHM/NHCT144: Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Đông A ký kết hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn H1. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp.

Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng là hợp pháp.

Nội dung hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng và 02 Giấy nhận nợ: “Giấy nhận nợ ngày 15/8/2018 và Giấy nhận nợ ngày 20/8/2018” kèm theo Hợp đồng tín dụng thể hiện: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, các giấy nhận nợ này là một phần không thể thiếu của Hợp đồng tín dụng, cụ thể hóa nội dung thỏa thuận, xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối, ép buộc nên xác định Hợp đồng tín dụng là hợp pháp.

Do vậy, Hợp đồng tín dụng được ký kết vào 12/02/2018, thời hạn vay 12 tháng. Các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng. Quá trình thực

hiện hợp đồng, các bên có ký kết 02 giấy nhận nợ, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các thỏa thuận trong giấy nhận nợ.

[3] Về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp:

Chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp là Ngân hàng TMCP C Việt Nam ủy quyền thường xuyên cho các chi nhánh ký kết hợp đồng thế chấp với khách hàng cá nhân; Ông Nguyễn Văn H1, bà Ngô Thị H2 có đủ năng lực hành vi dân sự. Do vậy chủ thể ký kết hợp đồng là hợp pháp.

Hình thức của Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, có công chứng, số công chứng: 296/TC/2015 ngày 14/04/2015 tại trụ sở Phòng công chứng số 01, TP Hà Nội và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 298- Bộ luật dân sự nên hợp đồng hợp pháp về hình thức.

Nội dung hợp đồng thế chấp: Ông Nguyễn Văn H1, bà Ngô Thị H2 là những người thế chấp tài sản của mình cho Nguyên đơn, để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông H1 đối với Nguyên đơn. Các bên trong hợp đồng thế chấp đã tự nguyện giao kết, nội dung hợp đồng thế chấp thể hiện tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, như vậy ngoài quyền sử dụng đất thì các tài sản khác gắn liền với đất đều là tài sản thế chấp (Tiết b điểm 2.4 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp). Tại Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp cũng thể hiện sự thống nhất giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Tiết b điểm 2.4 Điều 2 của Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp). Ông H1, bà H2 ký kết hợp đồng là thỏa thuận, tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Như vậy, nội dung hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn:

Về yêu cầu tiền nợ gốc:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi tính đến 29/6/2020 là 1.200.711.292 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 135.838.496 đồng; Nợ lãi quá hạn 64.872.976 đồng.

Xét thấy: Tại Giấy nhận nợ ngày 15/8/2018, Giải ngân ngày 15/8/2020, ngày trả nợ gốc: 15/02/2019, ngày vi phạm nghĩa vụ trả gốc là 16/02/2019; tại Giấy nhận nợ ngày 20/8/2018, ngày vi phạm nghĩa vụ trả gốc là 21/02/2019.

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán nợ gốc nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về yêu cầu tiền nợ lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Bị đơn xác định nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên

chưa trả được. Bị đơn có đề nghị được trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do vậy, xem xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi như sau:

Các bên thỏa thuận: trong hợp đồng tín dụng lãi 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/lãi trong hạn/dư nợ gốc chưa trả. Áp dụng lãi suất thả nổi; Đến 25/12/2018 áp dụng lãi suất 9,50% 150%/lãi trong hạn/dư nợ gốc chưa trả; Thỏa thuận như trên là đúng pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn và lãi quá hạn được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

*Lãi trong hạn: Theo Nguyên đơn trình bày, thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi trong hạn kể từ tháng 10/2018. Do vậy, bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn chưa nộp cho nguyên đơn từ tháng 10/2018 đến ngày 28/6/2020. Bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 135.838.496 đồng;

* Lãi quá hạn: Tại Bảng kê tính lãi đến ngày 29/6/2020 của Nguyên đơn nộp tại Tòa án thể hiện:

-Số tiền lãi theo Giấy nhận nợ ngày 15/8/2018 là 32.273.729 đồng (thời điểm tính lãi quá hạn là 15/02/2019 đến ngày 29/6/2020) ;

- Số tiền lãi theo Giấy nhận nợ ngày 20/02/2018 là 32.599.068 đồng (thời điểm tính lãi quá hạn vào ngày 20/02/2019 đến ngày 29/6/2020).

Tổng cộng: Bị đơn phải trả nguyên đơn số lãi quá hạn theo hai giấy nhận nợ là 64.872.976 đồng.

Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi ông H1 phải trả nguyên đơn là: 1.200.711.292 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 135.838.496 đồng; Nợ lãi quá hạn 64.872.976 đồng.

Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản xác minh tại địa phương thấy: Hiện trạng sử dụng các đương sự không có tranh chấp về ranh giới, nhà đất hiện sử dụng ổn định, không có thay đổi gì kể từ thời điểm thế chấp. Hợp đồng thế chấp các tài sản bảo đảm nêu trên đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự . Tại thời điểm thế chấp, người ký kết vào Hợp đồng thế chấp là ông H1, bà H2 có đủ năng lực chủ thể, năng lực hành vi dân sự tham gia giao kết hợp đồng, tự mình xác lập quyền nghĩa vụ theo pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật để thi hành.

Do vậy, khi bản án có hiệu lực, bị đơn không thực hiện đúng theo quyết định của bản án, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất trên đất thuộc thửa đất số 144(1), tờ bản đồ số 45 tại địa chỉ Khu 5, Thụy L, xã Thụy L, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội, theo: “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 4724.QĐUBND.2012/CH.00163.2012 do UBND huyện Đông A, Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2012” cho ông Nguyễn Văn H1. Nếu số tiền thu được từ việc

xử lý tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả nốt số tiền còn thiếu cho Nguyên đơn.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, Điều 317; 318, 320, 325; 463, 466 , 500,501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự

Căn cứ các khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án ;

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H1 phải trả nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: 016/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 12/02/2018 và các giấy nhận nợ kèm theo (Giấy nhận nợ ngày 15/8/2018 và Giấy nhận nợ ngày 20/8/2018) tính đến ngày xét xử 29/6/2020 là:

Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;

Nợ lãi: 200.711.292 đồng (Trong đó: Nợ lãi trong hạn: 135.838.496 đồng;

Nợ lãi quá hạn 64.872.976 đồng).

Tổng cộng: 1.200.711.292 đồng;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/6/2020 (tức ngày 30/6/2020) bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 016/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 12/02/2018 và các giấy nhận nợ kèm theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền gốc và lãi phát sinh, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 144(1), tờ bản đồ số 45 tại địa chỉ Khu 5, Thụy L, xã Thụy L, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội, theo: “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng

đặt số vào sổ cấp giấy chứng nhận 4724.QĐUBND.2012/CH.00163.2012 do UBND huyện Đông A, Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2012”, chủ sử dụng Nguyễn Văn H1. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả nốt số tiền nợ còn thiếu cho nguyên đơn.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 48.021.339 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền án phí 22.043.003 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0015048 ngày 21/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nói nhậm:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông A;
- Chi cục THADS huyện Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Triệu Thúy Hà

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA